

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-02-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Cần;

Ông Nguyễn Văn Thảo.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lệnh Khâm Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1994; thường trú: Thôn Kim T, xã H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: Ấp Bù Ch, xã Bắc S, huyện B, tỉnh Đồng Nai; có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1992; thường trú: Thôn Đại L, xã V, huyện Hà T, tỉnh Thanh Hoá; tạm trú: Tổ N, khu phố Khánh L, phường B, thành phố U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Bà Phan Thị H và ông Phạm Văn H có thời gian tìm hiểu nhau 04 tháng, được gia đình hai bên đồng ý cho tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 16/02/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mở quán kinh doanh thì bị thua lỗ, mắc nợ nần nên thường xuyên cãi vã ông H bỏ về quê, bà H ở lại một năm thì ông H lại vào Bình Dương và hứa thay đổi nên vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng không hạnh phúc. Ông H muốn làm gì thì làm không hỏi ý kiến vợ nên vợ chồng cãi vã, ông H lại bỏ về quê rồi lại vào và vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Trong thời gian sống ly thân nhiều lần vợ chồng ngồi lại nói chuyện nhưng không hòa hợp, ông H không quan tâm gia đình, bỏ mặc mọi việc. Bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Phạm Văn H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Huy H, sinh ngày 28/10/2016. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung do ông Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con là được sống cùng ông H. Vì vậy, khi ly hôn bà H đồng ý để ông H trực tiếp nuôi con, bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 12 năm 2024 bị đơn ông Phạm Văn H trình bày: Ông H và bà Phan Thị H kết hôn được hai bên gia đình đồng ý, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 16/02/2016. Hiện tại ông H làm quản lý tại Công ty TNHH Hoàn Cầu F với mức thu nhập 15.000.000 đồng/tháng. Từ năm 2022 vợ chồng không sống chung cùng nhau nữa do ông H về quê còn bà H xin ở lại làm công nhân nhưng sau đó không muốn chung sống cùng ông H nữa. Ông H không muốn ly hôn vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Huy H, sinh ngày 28/10/2016. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông Phạm Văn H yêu cầu được nuôi con chung và bà Phan Thị H phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

thành phố Tân Uyên. Đối với bị đơn vắng mặt nhưng đã có lời khai và được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị H và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 16/02/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về quan hệ hôn nhân, bà H và ông H xác nhận vợ chồng đã ly thân từ năm 2022, theo bà H hiện nay tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: Bà H và ông H có một con chung tên Phạm Huy H, sinh ngày 28/10/2016, hiện đang sống với ông H, theo nguyện vọng của cháu H là được sống với ông H, bà H thống nhất giao con cho ông H nuôi dưỡng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn H và yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con sau khi ly hôn nên đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Phạm Văn H hiện đang tạm trú và sinh sống tại tổ N, khu phố Khánh L, phường B, thành phố U, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Phạm Văn H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tuyên H, tỉnh

Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 16/02/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét mâu thuẫn vợ chồng bà Phan Thị H và ông Phạm Văn H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân từ năm 2022, mỗi người tự chăm lo cho cuộc sống của bản thân, không còn quan tâm đến nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã do mâu thuẫn về vấn đề kinh tế trong gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được các biện pháp nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình, trong thời gian sống ly thân giữa bà H và ông H cũng không thể hòa hợp và hàn gắn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà H yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Huy H sinh ngày 28/10/2016. Khi ly hôn, bà H đồng ý giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Yêu cầu của bà H phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/12/2024 cháu Phạm Huy H có nguyện vọng được ở với cha, hiện cháu H cũng đang sống với ông H, điều này phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*” nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phan Thị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Phạm Văn H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn H.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Huy H, sinh ngày 28/10/2016 cho ông Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Phan Thị H và ông Phạm Văn H đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phan Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm

nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung; được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004702 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Bà Phan Thị H còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Hạnh

